

CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 3

“*V/v: Giải trình thay đổi trước và sau kiểm toán*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần xây dựng số 3 - VINACONEX 3.
 2. Mã chứng khoán: VC3.
 3. Địa chỉ: 249 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội.
 4. Điện thoại: (04) 3756 0335. Fax: (04) 3756 0333.
 5. Người công bố thông tin: Ông Đặng Minh Huệ.
 6. Nội dung giải trình: Giải trình số liệu thay đổi trước kiểm toán và sau kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng năm 2015.
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

Nội dung	Số trước kiểm toán 6 tháng năm 2015	Số sau kiểm toán 6 tháng năm 2015	Giải trình thay đổi
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	205,987,518,483	206,132,505,683	Bù trừ doanh thu nội bộ
4. Giá vốn hàng bán	189,772,969,724	191,346,890,940	Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7,964,607,032	8,413,520,253	Trích dự phòng phải thu khó đòi
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,678,370,938	2,265,244,546	Trích dự phòng
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	9,496,042,417	8,031,321,572	Trích dự phòng



- Bảng cân đối kế toán:

Nội dung	Số trước kiểm toán	Số sau kiểm toán	Số trước kiểm toán	Số sau kiểm toán	Giải trình thay đổi
	30/06/2015	30/06/2015	01/01/2015	01/01/2015	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	13,000,000,000	13,000,000,000	-	13,000,000,000	Phân loại lại theo thông tư 200
6. Phải thu ngắn hạn khác	60,072,700,970	59,988,978,330	32,821,753,701	95,346,792,476	Phân loại lại theo thông tư 200
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28,806,456,010)	(29,255,369,231)	(28,806,456,010)	(28,806,456,010)	Trích dự phòng phải thu khó đòi
1. Hàng tồn kho	45,588,318,012	476,205,638,275	73,937,842,649	497,522,897,387	Phân loại lại theo thông tư 200
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,435,599,331)	(3,864,533,347)	(42,992,969)	(42,992,969)	Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7,938,657,786	8,351,088,200	430,032,262	5,523,409,887	Trích dự phòng
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	83,722,640	80,618,416,400	-	Phân loại lại theo thông tư 200
4. Phải thu dài hạn khác	-	83,722,640	-	83,722,640	Phân loại lại theo thông tư 200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	648,108,102,452	217,490,782,189	572,875,522,606	215,769,837,440	Phân loại lại theo thông tư 200
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,565,398,136	1,565,398,136	68,044,767,708	1,565,398,136	Phân loại lại theo thông tư 200
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	83,722,640	-	Phân loại lại theo thông tư 200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	15,349,847,026	15,349,847,026	38,636,293,257	40,398,104,096	Phân loại lại theo thông tư 200
2. Người mua trả tiền trước	860,794,893,859	708,265,937,261	830,226,475,495	681,568,899,597	Phân loại lại theo thông tư 200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,447,199,535	2,446,503,557	8,329,704,991	8,329,704,991	Trích dự phòng
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	1,761,810,839	-	Phân loại lại theo thông tư 200
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	51,332,879,546	3,183,090,000	52,924,424,546	3,183,090,000	Phân loại lại theo thông tư 200
9. Phải trả ngắn hạn khác	44,628,925,630	43,004,375,630	35,133,357,584	35,133,357,584	Phân loại lại theo thông tư 200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	1,707,987,375	-	Phân loại lại theo thông tư 200
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	154,153,506,598	-	150,365,563,273	Phân loại lại theo thông tư 200
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	48,149,789,546	-	49,741,334,546	Phân loại lại theo thông tư 200
12. Dự phòng phải trả dài hạn	-	491,883,725	503,103,780	999,558,705	Phân loại lại theo thông tư 200
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	548,491,944	56,608,219	584,563,144	88,108,219	Phân loại lại theo thông tư 200
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,213,263,926	11,748,543,081	19,393,921,509	19,393,921,509	Trích dự phòng
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	3,740,346,562	3,717,221,509	11,279,250,857	1,841,174,810	Trích dự phòng
- Kỳ này	9,472,917,364	8,031,321,572	8,114,670,652	17,552,746,699	Trích dự phòng

- Bảng lưu chuyển tiền tệ:

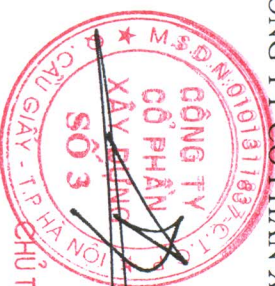
Nội dung	Số trước kiểm toán 30/06/2015	Số sau kiểm toán 30/06/2015	Số trước kiểm toán 30/06/2014	Số sau kiểm toán 30/06/2014	Giải trình thay đổi
1. Lợi nhuận trước thuế	12,174,413,355	10,296,566,118	9,560,978,483	9,560,978,483	Trích dự phòng
- Khấu hao TSCĐ	3,465,721,110	3,927,420,744	3,929,626,033	3,929,626,033	Phân loại lại theo thông tư 200
- Các khoản dự phòng		4,270,453,599	5,165,438,606	5,165,438,606	Phân loại lại theo thông tư 200
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(3,642,969,942)	(4,120,477,710)	(946,547,830)	(1,219,554,830)	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tăng, giảm các khoản phải thu	11,299,658,891	46,513,295,338	(31,024,260,919)	(31,024,260,919)	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tăng, giảm hàng tồn kho	17,624,226,061	19,596,314,363	15,750,771,654	15,750,771,654	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(84,928,059,620)	(24,142,549,266)	247,437,878,088	247,437,878,088	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(337,228,296)	504,604,425	(1,684,876,023)	(1,684,876,023)	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tiền lãi vay đã trả	-	(46,887,289)	(8,366,005,570)	(8,366,005,570)	Phân loại lại theo thông tư 200
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11,655,229,421	(4,878,500,784)	(4,324,566,202)	(4,324,566,202)	Phân loại lại theo thông tư 200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1,375,850,234)	(3,583,961,980)	(1,425,273,650)	(1,425,273,650)	Phân loại lại theo thông tư 200
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	461,699,634	319,868,182	300,000,000	300,000,000	Phân loại lại theo thông tư 200
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(85,000,000,000)			Phân loại lại theo thông tư 200
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		(273,007,000)		Phân loại lại theo thông tư 200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,740,694,640	775,159,276	775,159,276	Phân loại lại theo thông tư 200

Số liệu thay đổi trước kiểm toán với sau kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ 6 tháng năm 2015 là do kiểm toán đã trích thêm dự phòng các khoản phải thu khó đòi, trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, giá vốn hàng bán tăng thuế TNDN giảm, lợi nhuận giảm và các chỉ tiêu có liên quan thay đổi theo. Kiểm toán đã phân loại lại các chỉ tiêu khác theo thông tư 200/2014/TT – BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Trần Trọng Cẩm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Hưng Phương

Nguyễn Hưng Phương

